TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** Số: 172/2020/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

K, ngày 15 tháng 09 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 189/2020/TLST – HNGĐ ngày 11/08/2020 về việc xin ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M- sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu tập thể trường đại học X thuộc thôn Y- xã D- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Trần Duy T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu tập thể trường đại học X thuộc thôn Y- xã D- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: cháu Trần Duy H, sinh ngày 03/03/2009 và cháu Trần Duy Hoài V, sinh ngày 27/01/2003. Người giám hộ cho các cháu H, cháu V là chị Nguyễn Thị M và anh Trần Duy T- bố mẹ đẻ của các cháu. Đều có địa chỉ: Khu tập thể trường đại học X thuộc thôn Y- xã D- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho cháu H là ông Nguyễn Thế Anh– Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên. Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 - Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 147– Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 09 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/09/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M và bị đơn anh Trần Duy T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cả 02 con chung là cháu Trần Duy H, sinh ngày 03/03/2009 và cháu Trần Duy Hoài V, sinh ngày 27/01/2003 cho chị Nguyễn Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H, cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi);

/ Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Kể từ khi quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị M và anh T có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Duy H, sinh ngày 03/03/2009, cháu Trần Duy Hoài V, sinh ngày 27/01/2003 trưởng thành (đủ 18 tuổi) thì mỗi tháng anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị M là 1.500.000đ/01 cháu/ 01 tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng trên một cháu trên một tháng).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và chị M có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nói trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015.

Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung: Nguyên đơn chị M và bị đơn anh T đều khẳng định vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia xong với nhau về tài sản chung trước khi ly hôn nên không còn gì liên quan, không yêu cầu tòa án đặt ra giải quyết về tài sản trong vụ án này.

2.3. Về công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình: Chị M và anh T đều khẳng định vợ chồng không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung và được anh T nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 0002332 ngày 11/08/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên việc nộp án phí của chị M đã xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện K;
- UBND xã D;
- Chi cục THADS huyện K;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG